

Số: 219 /TB-HB

Quận 1, ngày 10 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
V/v thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3710/UBND-GDDT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 1;

Căn cứ vào ý kiến thống nhất về khoản thu năm học 2023-2024 trong buổi họp Cha mẹ học sinh ngày 16 tháng 9 năm 2023;

Trường Tiểu học Hòa Bình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024; Chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập như sau:

A. Đối với các khoản thu năm học 2023-2024:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu theo CV 3710/UBND-GDDT	Mức thu thực hiện tại trường
I.	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa			
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày (áp dụng đối với học sinh lớp 5)	đồng/học sinh/tháng	150.000	150.000
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (Anh)	đồng/học sinh/tháng	100.000	100.000
3	Tiền tổ chức dạy tin học			
3.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/học sinh/tháng	50.000	50.000
3.2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn tin học	đồng/học sinh/tháng	70.000	70.000
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa			

4.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ: Bóng rổ, Cờ, Võ, Rèn chữ, Kỹ thuật, Mĩ thuật, Muay Thái, Tiếng Anh, Aerobic, Stem Robotic, Thiết kế đồ họa (1 tiết/ tuần)	đồng/học sinh/tháng	120.000	120.000
4.2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống (1tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	120.000	80.000
4.3	Tiền tổ chức giáo dục Stem (1tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	90.000	90.000
4.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh Giao tiếp) (2tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	260.000	
	- Đơn vị hợp tác là Trung tâm anh ngữ quốc tế Apollo (Điểm 01 Công xã Paris)			250.000
	- Đơn vị hợp tác là Cty CP Giáo dục ISMART (Điểm 77 Tôn Thất Đạm)			250.000
	- Đơn vị hợp tác là I.CLC (Điểm 77 Tôn Thất Đạm)			230.000
4.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (2tiết/tuần)	đồng/học sinh/tháng	250.000	200.000
4.6	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (2 tiết/ tuần)		500.000	250.000
4.7	Tiền tổ chức Chương trình học Tiếng Anh ISMART (áp dụng Lớp Một 1)	đồng/học sinh/tháng		
	- Học ngoại ngữ với người nước ngoài (2tiết/tuần)		250.000	250.000
	- Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (2 tiết/tuần)		500.000	400.000
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án			
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”	đồng/học sinh/tháng	3.600.000	3.600.000
III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú			
6	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh	đồng/học sinh/tháng	350.000	350.000
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (bếp tự phục vụ bữa ăn)	đồng/học sinh/năm học	200.000	200.000
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh			
8	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu			

8.1	Tiền học phẩm (In ấn giấy thi trong các kỳ thi giữa kỳ, cuối kỳ)	đồng/học sinh/năm học	40.000	
	- Lớp 1			15.000
	- Lớp 2, 3			20.000
	- Lớp 4, 5			25.000
9	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	35.000
10	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	20.000	20.000
11	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	40.000	30.000 (không khám nha khoa)
12	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	45.000	35.000
13	Tiền dịch vụ tiện ích công nghệ thông tin và chuyển đổi số + Sổ liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	60.000	38.500
V	Bảo hiểm y tế học sinh (bắt buộc)	đồng/học sinh/tháng		56.700
VI	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	đồng/học sinh/năm		30.000

B. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập.

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, cụ thể như sau:

- Công văn số 794/SGDDT-KHTC ngày 21/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố HCM về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố. Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND để thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

Thực hiện không thu các khoản các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ, hỗ trợ hoạt động

giáo dục cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố HCM năm học 2023-2024 đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND.

1. Đối tượng được miễn 100% các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa.

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Học sinh khuyết tật.

- Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng.

- Học sinh là thành viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

- Học sinh là con của cán bộ, giáo viên và nhân viên Nhà trường.

- Học sinh là con thuộc gia đình khó khăn.

2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập (150.000 đồng/học sinh/tháng):

- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Học sinh bị khuyết tật.

- Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT/Q.1 (để b/c);
- CB, GV, NV;
- Trang Web trường;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Kim Quý